

1. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

❖ Doanh nghiệp có giao dịch liên kết với đối tác

Ngày 29/06/2021, Cục thuế TP Hà Nội trả lời Công văn số 23820/CTHN-TTHT về việc xác định giao dịch liên kết.

Trường hợp công ty được doanh nghiệp khác cho vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào với điều kiện khoản vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của DN đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của DN thì công ty và các bên được xác định là có quan hệ liên kết theo quy định d khoản 2, Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

Khi các bên có quan hệ liên kết thì giao dịch phát sinh giữa các bên là giao dịch liên kết theo quy định khoản 2, Điều 1 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP.

2. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

❖ Thuế GTGT cho hoạt động cung cấp dịch vụ ra nước ngoài của DN chế xuất

Ngày 25/06/2021, Cục thuế TP Hà Nội trả lời Công văn số 23122/CTHN-TTHT về việc sử dụng hóa đơn và thuế GTGT hoạt động cung cấp dịch vụ ra nước ngoài của DNCX.

Trường hợp Công ty là DNCX phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ thiết kế, nghiên cứu thị trường và dịch vụ tư vấn quản lý sản xuất ra nước ngoài (ngoài lãnh thổ Việt Nam) thì thuộc đối tượng KHÔNG CHỊU THUẾ GTGT theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ nêu trên, Công ty sử dụng hóa đơn thương mại theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Thông ty 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014.

3. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Khai thuế TNCN của tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập.

Ngày 01/07/2021, Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 2393/TCT-DNNCN hướng dẫn việc khai thuế TNCN của tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập, như sau:

Theo khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân ngày 22/11/2012 và điểm 9.9 khoản 9 Phụ lục I - Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì chỉ trường hợp tổ chức, cá nhân phát sinh trả thu nhập chịu thuế TNCN mới thuộc diện phải khai thuế TNCN.

Vì thế, tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập chịu thuế TNCN tháng/quý nào thì không phải khai thuế thu nhập cá nhân của tháng/quý đó.

4. HÓA ĐƠN

❖ Sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) khi đang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế

Ngày 09/07/2021, Cục thuế Hà Nội ban hành Công văn số 26250/CTHN-TTHT hướng dẫn sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

Trường hợp công ty, DN đáp ứng các điều kiện của tổ chức khởi tạo HĐĐT theo quy định Khoản 2, Điều 4, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ tài chính thì được sử dụng hóa HĐĐT. Trước khi sử dụng, Công ty thực hiện Thông báo phát hành hóa đơn điện tử theo Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BTC của Bộ tài chính.

Công ty, DN phải dừng sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn điện tử và thực hiện hủy hóa đơn mua của cơ quan thuế, không tiếp tục sử dụng theo quy định tại Thông tư 39/2014/TT-BTC của Bộ tài chính.

❖ HĐĐT chuyển đổi sang hóa đơn giấy

Ngày 07/07/2021, Cục thuế Hà Nội ban hành Công văn số 25313/CTHN-TTHT hướng dẫn như sau:

Trường hợp chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi một (01) lần thì HĐĐT chuyển đổi sang hóa đơn giấy phải đáp ứng quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số

32/2011/TT-BTC và phải có chữ ký người đại diện theo pháp luật, con dấu của người bán.

Trường hợp chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để phục vụ việc lưu trữ chứng từ kế toán thì HĐĐT chuyển sang hóa đơn giấy chỉ cần đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC.

5. LAO ĐỘNG

❖ Phó Thủ tướng vừa ký Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 07/07/2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Cụ thể như sau:

GIẢM MỨC ĐÓNG BẢO HIỂM TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

i. Đối tượng hỗ trợ

- Người sử dụng lao động đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách nhà nước).
- Người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng, chống COVID-19.

ii. Mức đóng và thời gian áp dụng mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Mức đóng: Bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.
- Thời gian áp dụng: 12 tháng, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TẠM DỪNG ĐÓNG VÀO QUỸ HƯU TRÍ VÀ TỬ TUẤT

i. Đối tượng hỗ trợ

Người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội.

ii. Điều kiện hỗ trợ

- Người sử dụng lao động đã đóng đủ bảo hiểm xã hội hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 4 năm 2021 mà bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 15% số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị so với tháng 4 năm 2021. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm bao gồm:

- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật trừ đi số lao động mới giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày người sử dụng lao động có văn bản đề nghị.
- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động mà thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.
- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng tiền lương mà thời gian nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.
- Số lao động đang ngừng việc mà thời gian ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm nêu trên chỉ bao gồm người làm việc theo hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương; không bao gồm người lao động nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

iii. Thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

- Người lao động và người sử dụng lao động đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định này được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất 6 tháng tính từ tháng người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị.

- Đối với trường hợp đã được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ, nếu đủ điều kiện và được

giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất theo quy định tại Quyết định này thì tổng thời gian tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất do bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 **không quá 12 tháng**.

HỖ TRỢ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ KỸ NĂNG NGHỀ ĐỂ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

i. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Việc làm) nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.
- Phải thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động.
- Có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với doanh thu cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020.
- Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

ii. Mức, thời gian hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề **tối đa 1.500.000 đồng/người lao động/tháng**. Mức hỗ trợ cụ thể được tính theo thời gian học thực tế của từng nghề hoặc từng khóa học. Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có những ngày lễ không đủ tháng thì được tính theo nguyên tắc: Dưới 15 ngày tính là 1/2 tháng, từ đủ 15 ngày trở lên tính là 01 tháng để xác định mức hỗ trợ.
- Đối với khóa đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề có mức chi phí cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại

khoản này thì phần vượt quá mức hỗ trợ do người sử dụng lao động tự chi trả.

- Thời gian hỗ trợ: **Tối đa 06 tháng**.
- Phương thức chi trả: Chi trả trực tiếp cho người sử dụng lao động theo phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được phê duyệt.

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

i. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương.

ii. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ:
 - 1.855.000 đồng/người** đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (30 ngày).
 - 3.710.000 đồng/người** đối với người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng (30 ngày) trở lên.
- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC

i. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo **khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động** và thuộc đối tượng phải cách ly y

tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng trước liền kề tháng người lao động ngừng việc theo **khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động**.

ii. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: **1.000.000 đồng/người**.
- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NHƯNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP

i. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

- Người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.
- Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
 - b) Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.

ii. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: **3.710.000 đồng/người**
- Người lao động đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em.
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho người lao động.

HỖ TRỢ ĐỐI VỚI TRẺ EM VÀ NGƯỜI ĐANG ĐIỀU TRỊ COVID-19, CÁCH LY Y TẾ

i. Đối tượng hỗ trợ

Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

ii. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

- Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng **tối đa 45 ngày**.
- Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với các trường hợp người thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ **tối đa 21 ngày**.

HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH

i. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

- Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế.
- Hộ kinh doanh phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

ii. Mức hỗ trợ và phương thức chi trả

- Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh.
- Phương thức chi trả: Trả 01 lần cho hộ kinh doanh.

Ngoài ra, Quyết định còn quy định cụ thể hồ sơ và trình tự, thủ tục hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương khi phục hồi sản xuất; hỗ trợ hộ kinh doanh phải dừng hoạt động; hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) bị mất việc làm; v.v.

Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, lãnh đạo các doanh nghiệp, người sử dụng lao động, Ban quản lý chợ có trách nhiệm lập danh sách người lao động thuộc các diện trên, theo mẫu, gửi cơ quan liên quan để thẩm định **trước ngày 15 tháng 7 năm 2021**.

Ký hiệu viết tắt

BTC

Bộ Tài Chính

TCT

Tổng Cục Thuế

NĐ-CP

Nghị Định – Chính Phủ

TNDN

Thu Nhập Doanh Nghiệp

TNCN

Thu Nhập Cá Nhân

GTGT

Giá Trị Gia Tăng

HĐĐT

Hóa đơn điện tử

Liên hệ:**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KHAI MINH**

Phòng 704, Lầu 7, Citilight Tower, Số 45 Đường Võ Thị Sáu

Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: 84 28 3820 5731 / 2

Fax: 84 28 3820 0906

(Tiếng Anh)

Trần Mai Tường Vy

tran.mai.tuong.vy@kmc.vn

Nguyễn Văn Mùi

nguyen.van.mui@kmc.vn

(Tiếng Nhật)

Lê Quốc Duy

le.quoc.duy@kmc.vn

Nguyễn Thị Thảo Uyên

nguyen.thi.thao.uyen@kmc.vn

Bản tin này nhằm cập nhật và tóm tắt những quy định chung liên quan đến Thuế, Kế toán, Đầu tư và Lao động ở Việt Nam. Quý vị nên tham khảo ý kiến chuyên môn trước khi đưa ra quyết định.